

BÀN THÊM VỀ MỘT SỐ CUỘC ĐỒNG KHỞI Ở CỤC NAM TRUNG BỘ (1959-1960)

CHU ĐÌNH LỘC*

Cục Nam Trung Bộ là vùng đất phía Nam của Trung Bộ, nằm giữa khu Đắc Lắc - Bình - Phú và khu Đông Nam Bộ (1). Trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ, Cục Nam Trung Bộ thuộc địa bàn chỉ đạo của Liên tỉnh 3, gồm các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng (2). Vùng đất luôn gắn bó hữu cơ với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, nơi diễn ra biết bao sự kiện, chiến công hào hùng trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, mà một trong những sự kiện đó là phong trào đồng khởi vào những năm 1959-1960. Bài viết này trao đổi thêm về một số cuộc đồng khởi ở Cục Nam Trung Bộ.

Như chúng ta đã biết, trong kháng chiến chống Pháp, các tỉnh ở Cục Nam Trung Bộ bị địch chiếm đóng, kìm kẹp gắt gao bởi những chính sách bình định, khủng bố nhưng nhân dân vẫn một lòng tin tưởng vào Đảng, vào cách mạng và Bác Hồ kính yêu. Với tinh thần tự lực, tự cường, kiên cường và dũng cảm, quân và dân Cục Nam Trung Bộ đã lập nên nhiều chiến công hiển hách, mở rộng vùng giải phóng, nhiều vùng căn cứ kháng chiến được xây dựng

khá vững chắc như Hòn Hèo, Đá Bàn, Khánh Sơn (Khánh Hòa), CK19, CK35, Bắc Ái, Anh Dũng (Ninh Thuận), Lê Hồng Phong, Hàm Tân (Bình Thuận), Chí Lai, Mang Yệu (Lâm Đồng). Phong trào kháng chiến chống Pháp ở đây phát triển rất mạnh và giành nhiều thắng lợi, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc ta, đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, buộc chúng phải ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Giống như tình hình chung ở miền Nam, từ điều kiện có chính quyền, lực lượng vũ trang với phong trào đấu tranh rất mạnh, các lực lượng kháng chiến phải chuyển quân tập kết ra miền Bắc, địa bàn Cục Nam Trung Bộ trở thành vùng địch kiểm soát, không còn chính quyền cách mạng, không có lực lượng vũ trang; về Đảng, ta chỉ bố trí một lực lượng nhỏ gồm những cán bộ trung kiên hoạt động bí mật, bất hợp pháp (3).

Thực hiện âm mưu xâm lược Việt Nam, đế quốc Mỹ dựng lên bộ máy ngụy quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở Nam vĩ tuyến 17, đẩy mạnh xây dựng bộ máy ngụy quyền, lực lượng vũ trang, tiến hành cải cách, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp tỉnh

* Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang

nhằm đàn áp phong trào cách mạng. Trên địa bàn Cục Nam Trung Bộ, chúng thành lập một số tỉnh như Bình Tuy (1956), Lâm Đồng (1959), Tuyên Đức (1959) và Quảng Đức (1959). Về quân sự, chúng ghép nhiều tỉnh thành Quân khu và chia ra thành nhiều vùng chiến thuật. Các tỉnh Cục Nam Trung Bộ thuộc Khu 23, nằm trong vùng chiến thuật II và một phần Khu 33, vùng chiến thuật III của Mỹ-ngụy (4). Đồng thời với quá trình xây dựng bộ máy chính quyền tay sai, Mỹ-Diệm đã khủng bố dã man những người yêu nước, những người kháng chiến cũ, thực hiện quốc sách “tố cộng, diệt cộng” với phương châm “làm sạch cộng sản” trên toàn miền Nam. Ở Cục Nam Trung Bộ, sau 2 năm bình định đồng bằng, địch bắt đầu tiến hành bình định miền núi bằng chiến dịch “Thượng du vận” hòng tiêu diệt tận gốc lực lượng kháng chiến của ta. Trọng điểm là các vùng căn cứ kháng chiến trong thời kỳ chống Pháp như Khánh Vĩnh, Khánh Sơn ở Khánh Hòa; Bắc Ái, Anh Dũng ở Ninh Thuận; Lê Hồng Phong, Hàm Tân, Tánh Linh ở Bình Thuận; Di Linh ở Lâm Đồng; Đơn Dương, Đức Trọng ở Tuyên Đức. Tại đây, quân ngụy xây dựng nhiều đồn bốt trong vùng căn cứ, bố trí các đơn vị bảo an trấn giữ, lập bộ máy chính quyền ở các thôn xã (Hội đồng tộc), lập các đơn vị dân vệ địa phương, đưa hàng trăm ngàn dân theo đạo Thiên Chúa di cư vào định cư trong vùng căn cứ dưới hình thức các khu dinh điền, khu trù mật. Ở Ninh Thuận, chúng dồn dân Bắc Ái, Anh Dũng vào các khu tập trung như Bà Râu, Đồng Dày, Tầm Ngân, Cà Rôm, Đá Trắng, Trại Thịt, Ma Nổi,... Ở Khánh Hòa, chúng dồn dân Khánh Vĩnh, Khánh Sơn vào các khu Gia Lê, Tà Dục, Tà Nĩa, Thác Trại, Suối Dầu,... Ở Bình Thuận, chúng dồn dân Tánh Linh, Di Linh vào các khu Bắc Ruộng, Đồng Kho, Cỏ Mỏm, Láng Cốc,... Chính sách chống

cộng và dồn dân của địch làm cho phong trào cách mạng ở Cục Nam Trung Bộ gặp muôn vàn khó khăn, thử thách, tổn thất nặng nề, nhất là ở đồng bằng. Tổ chức Đảng bị vỡ, tan rã, cán bộ, đảng viên bị bắt và hy sinh nhiều, quân chúng thì bị địch kim kẹp gắt gao, phong trào bị đẩy lùi. Tính chưa đầy đủ, chúng đã giết hại, tù đầy trên tám trăm cán bộ, đảng viên và người kháng chiến cũ (5).

Trước tình hình địch ngày càng khủng bố trắng trợn ở đồng bằng và càn quét dồn dân ở miền núi, để kịp thời chỉ đạo sát thực tế, Liên Khu ủy V thành lập Liên tỉnh 3, do đồng chí Trần Lê làm Bí thư Ban Cán sự Liên tỉnh. Ở các vùng căn cứ kháng chiến có sự sắp xếp, bố trí lại lực lượng cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới, tổ chức lực lượng vũ trang tự vệ, lo dự trữ lương thực. Liên Khu ủy V đã phát triển một cách phổ biến hình thức vũ trang tự vệ của quần chúng và tiến hành hoạt động du kích ở những nơi có địa thế thuận lợi, di dôi với đầy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở miền núi, phối hợp phong trào cách mạng Tây Nguyên với phong trào đồng bằng Liên khu và phong trào Nam Bộ.

Thực hiện chủ trương của Đảng cấp trên, Liên Tỉnh ủy 3 phát động nhân dân củng cố vùng căn cứ ở miền núi thuộc các huyện Khánh Sơn, Vĩnh Sơn (Khánh Hòa); Anh Dũng, Bắc Ái (Ninh Thuận); Tánh Linh (Bình Thuận) và Di Linh (Lâm Đồng). Từ sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, Liên Tỉnh ủy 3 tập trung vào ba việc là: có biện pháp đối phó với bọn ngoan cố, tổ chức vũ trang tự vệ và xây dựng căn cứ địa (6). Liên tỉnh 3 nhấn mạnh cần khắc phục khuynh hướng đấu tranh một chiều, hướng dẫn quần chúng canh gác, bố phòng chống địch lùng sục để tự bảo vệ mình và không được quên nhiệm vụ xây dựng căn cứ miền núi, tạo

thế bám, thế đứng lâu dài cho phong trào cách mạng địa phương (7).

Tháng 1 năm 1959, Hội nghị 15 của Ban Chấp hành Trung ương (BCHTW) nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là “giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”. Hội nghị chỉ rõ “Để tạo điều kiện cho cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi, cách mạng miền Nam phải trải qua một quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ để xây dựng, củng cố và phát triển phong trào cách mạng của quần chúng, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng nhiều hình thức từ thấp đến cao, giành thắng lợi từ nhỏ đến lớn, đẩy lùi địch từng bước, tiến đến làm lay chuyển toàn bộ chế độ của chúng, trên cơ sở đó sẽ phát động quần chúng giành chính quyền khi có thời cơ thuận lợi” (8).

Mặc dù Nghị quyết 15 của BCHTW Đảng chưa đến kịp nhưng với tinh thần chủ động, sáng tạo, bám sát thực tiễn và hoàn cảnh lịch sử cụ thể, Liên tỉnh 3, cùng các Tỉnh ủy chủ trương khởi nghĩa, giải phóng vùng miền núi phía Tây các tỉnh đồng bằng, phát động nhân dân phá các khu tập trung của địch, đưa dân trở lại núi rừng, bố phòng, lập các căn cứ kháng chiến chống Mỹ-Diệm.

Ở Ninh Thuận, địch dồn lực lượng đánh phá phong trào cách mạng miền núi, dồn dân huyện Bác Ái vào hai khu tập trung Bà Râu và Tầm Ngán. Khu tập trung Bà Râu nằm ở chân núi Phước Kháng được xây dựng thành khu “kiểu mẫu” người dân tộc, từng được Ngô Đình Diệm và Nguyễn Ngọc

Thơ đến tận nơi đồn đốc, khuyến khích việc xây dựng. Nhưng cuộc sống của người dân trong khu tập trung bị giam hãm, kìm kẹp, bệnh tật, đói rách thường xuyên xảy ra, cuộc đấu tranh của đồng bào trong khu đồn bắt đầu ngay từ khi đồng bào mới bị dồn, lẻ tẻ đã có người bỏ trốn về núi. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Ninh Thuận đã cử một đồng chí xuống gặp Huyện ủy Bác Ái bàn biện pháp phá khu tập trung, tổ chức nhiều mũi công tác đi sâu vận động quần chúng, hướng dẫn kế hoạch bung về núi rừng. Đêm ngày 7-2-1959 (đêm 30 tết Kỷ Hợi), lợi dụng lúc địch sơ hở, gần 5.000 đồng bào khu Bà Râu nổi dậy phá rào, đốt phá các khu xóm tập trung, kéo nhau về lại núi rừng (9). Nghe tin khu Bà Râu bị phá, nhân dân các khu tập trung Cà Rôm, Đồng Dầy cũng nổi dậy, làm cho địch không kịp đối phó. Tháng 3-1959, các đồng chí lãnh đạo huyện cử đồng chí Pi Năng Tắc cùng 30 thanh niên Bác Ái Đông lên Bác Ái Tây vận động quần chúng diệt ác, phá khu tập trung Tầm Ngán. Đầu tháng 4 năm 1959, nhân dân nổi dậy phá bỏ khu tập trung, trên 4.000 dân trở về rừng núi, sản xuất, bố phòng sẵn sàng đánh địch. Để hỗ trợ cho các cuộc đấu tranh phá các khu tập trung và bảo vệ vùng căn cứ, vùng giải phóng, Liên tỉnh 3 chỉ đạo cho các tỉnh thành lập các đội vũ trang tuyên truyền. Tháng 6-1959, Ninh Thuận thành lập đội vũ trang đầu tiên, ngày 2-9-1959, Bình Thuận thành lập đội vũ trang lấy tên là đơn vị 2/9. Việc phá hai khu tập trung dân Bà Râu và Tầm Ngán của địch và thành lập các đội vũ trang đã tác động đến phong trào cách mạng của huyện miền núi phía Tây các tỉnh Cực Nam Trung Bộ, mở ra các cuộc đồng khởi vào năm 1960.

Ở Bình Thuận, địch dồn hết dân ở Cà Dòn, La Ngâu, La Dạ, Măng Tố, Tố La,...

thuộc vùng rừng núi phía Tây tỉnh Bình Thuận và vùng Di Linh, Lâm Đồng về khu tập trung Bắc Ruộng ở quận Hoài Đức, một "khu kiểu mẫu" gồm toàn người dân tộc để tuyên truyền cho chính sách "Thượng du vận". Dịch đã xây dựng các mặt và bố phòng khá chặt chẽ, xung quanh có rào tre và kẽm gai, bên trong có hệ thống lô cốt phòng thủ, lại được bố trí ở sát quận lỵ hành chính và chi khu Hoài Đức; thường xuyên có một đại đội bảo an, một trung đội biệt kích và lực lượng cảnh sát, dân vệ, thanh niên cộng hòa có vũ khí chốt giữ (10). Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định "tiêu diệt gọn chi khu Hoài Đức, hỗ trợ nhân dân phá khu tập trung Bắc Ruộng đưa dân về căn cứ" (11). Sau một thời gian chuẩn bị, đúng 0 giờ ngày 31 tháng 7 năm 1960 trận đánh bắt đầu, lực lượng tham gia trực tiếp chiến đấu có 28 người, vừa là bộ binh, vừa là đặc công, chủ yếu là đơn vị 2/9, các đồng chí chỉ huy và lực lượng huyện, được nhân dân và tự vệ tiếp sức, đã nổ súng tiến công địch. Sau hai giờ chiến đấu, ta đã diệt và bắt sống gần toàn bộ lực lượng địch đóng ở đây, giải phóng 5.000 dân đưa về vùng căn cứ tổ chức kháng chiến. Chiến thắng Bắc Ruộng là chiến thắng mở đầu việc dùng lực lượng vũ trang hỗ trợ cho phong trào nổi dậy của quần chúng phá khu tập trung của địch. "Chúng ta đã giải phóng được một số lớn dân ở vùng căn cứ bị địch dồn từ 3 - 4 năm nay về lại làng cũ làm ăn, sản xuất, bố phòng, xây dựng và phát triển du kích chiến tranh, mở rộng vùng căn cứ đến hàng ngàn ki lô mét vuông..." (12).

Ở Ninh Thuận, ngày 30 tháng 8 năm 1960, Liên tỉnh 3 đã sử dụng một lực lượng vũ trang (Đại đội đặc công 121 và Đại đội 120 bộ binh) tiến công tiêu diệt hai đồn cấp đại đội là Tà Lú và Ma Ty, giải phóng gần 3.000 người dân trở về làng cũ làm ăn sinh

sống. Cùng thời gian này, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Bắc Ái Đông, với sự phối hợp của lực lượng vũ trang Liên tỉnh 3, du kích và nhân dân xã Phước Chiến nổi dậy, bao vây uy hiếp, bức rút đồn Đầu Suối, phá khu tập trung của địch. Mấy ngày sau, đồng bào trong các khu tập trung Ma Nổi, Trà Co, Đá Trắng, Chà Vân, Trại Thịt,... cũng nổi dậy phá khu tập trung, trở về làng cũ sản xuất và lập thể bố phòng chống địch, vùng giải phóng miền núi Ninh Thuận lên tới 12.000 dân.

Ở Khánh Hòa, đồng bào miền núi các xã Sơn Tân, Sơn Trung, Sơn Thanh, Sơn Cầu ở Khánh Sơn, Khánh Vĩnh bị địch tập trung ở những địa điểm gọi là "Áp tân sinh" như Sông Cạn, Trại Láng, Bàu Hùng, Hóc Gia, Thác Trại, Gia Lê. Tháng 9 năm 1960, lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa cùng một bộ phận lực lượng Liên tỉnh 3 phối hợp diệt đồn Thác Trại - Gia Lê, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá các khu tập trung ở đây, giải phóng 5.000 đồng bào dân tộc trở về núi rừng. Tháng 11 năm 1960, lực lượng vũ trang tỉnh phá khu tập trung Cây Dầu, giải phóng các vùng Tà Lương, Suối Hai. Toàn bộ vùng giải phóng miền núi Khánh Hòa lên đến 15.000 dân.

Ở Nam Tây Nguyên, Liên tỉnh 3 chỉ đạo Tỉnh ủy Bình Thuận và Ninh Thuận tổ chức các đội vũ trang công tác lên Đạ Gùi, Đạ Oai, Đinh Trang Hạ, Đinh Trang Thượng ở Lâm Đồng, Đồng Mang, Đạ Cho, Đạ Cháy thuộc huyện Lạc Dương và Đức Trọng tỉnh Tuyên Đức để xây dựng cơ sở, mở vùng giải phóng.

Cuối năm 1960, Liên tỉnh 3 mở Đại hội phong trào dân tộc tự trị ở từng huyện và tiếp theo là mở đại hội ở toàn vùng giải phóng gồm các huyện miền Tây Khánh Hòa và huyện Bắc Ái (Ninh Thuận) tuyên bố

xóa bỏ chính quyền tổng lý của địch, xây dựng chính quyền tự quản của nhân dân, phát động phong trào đoàn kết chiến đấu chống địch, xây dựng cuộc sống mới (13).

Như vậy là hòa cùng phong trào Đồng khởi toàn miền Nam (1960), quân và dân Cục Nam Trung Bộ đã nổi dậy, tiến hành các cuộc đồng khởi, giải phóng một vùng ở miền tây các tỉnh từ Khánh Hòa đến Bình Thuận, nối với các tỉnh Nam Tây Nguyên. Tính đến cuối năm 1960, các cuộc đồng khởi ở Cục Nam Trung Bộ được giải phóng được trên 30.000 dân ở 23 xã thuộc các huyện Khánh Sơn, Vĩnh Sơn (Khánh Hòa), Anh Dũng, Bác Ái (Ninh Thuận), Tân Linh (Bình Thuận) và một phần huyện Di Linh (Lâm Đồng). Đây là một vùng giải phóng rộng lớn so với các cuộc đồng khởi lúc bấy giờ ở miền Nam.

Cũng như các cuộc đồng khởi ở huyện Mỏ Cày, Minh Tân, Thạnh Phú tỉnh Bến Tre (17-1-1960) hay ở Tua Hai, Trảng Súp tỉnh Tây Ninh (26-1-1960), các cuộc đồng khởi ở Cục Nam Trung Bộ thể hiện tinh thần chủ động, sáng tạo của các cấp ủy địa phương, góp phần làm sáng tỏ phương châm đấu tranh vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh của quần chúng đứng lên giành quyền làm chủ. Trước khi Nghị quyết Trung ương 15 được truyền đạt đến ở đây đã có những cuộc nổi dậy khởi nghĩa như Bà Râu (Bác Ái) (7-2-1959). Đó là kết quả của những chủ trương đúng đắn của Đảng về sự chuẩn bị, duy trì và xây dựng lực lượng ở miền núi. Đó là cách thức tiến hành đấu tranh với những hình thức thích hợp trong những điều kiện thuận lợi riêng của miền núi từ những năm đầu của cách mạng miền Nam. Cuộc nổi dậy của nhân dân Bác Ái đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở miền núi, tạo tiền đề cho các cuộc khởi nghĩa từng phần ở

miền núi, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng trong toàn Liên khu V chuyển sang thế tiến công. Đặc biệt là khi có Nghị quyết 15 của BCHTW Đảng thì các cuộc đồng khởi ở Cục Nam Trung Bộ trở thành phong trào rộng lớn, đều khắp ở các tỉnh Cục Nam Trung Bộ như Bắc Ruộng, Tân Linh (Bình Thuận), Khánh Vĩnh, Khánh Sơn (Khánh Hòa), Anh Dũng, Bác Ái (Ninh Thuận). Điều đó chứng tỏ Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, khi được vận dụng vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của địa phương thì trở thành phong trào nổi dậy rộng lớn.

Các cuộc đồng khởi ở Cục Nam Trung Bộ đã thể hiện niềm tin và khả năng tất thắng, động viên, khích lệ nhân dân toàn miền Nam đứng lên kháng chiến, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Các cuộc đồng khởi ở Cục Nam Trung Bộ là sự thể hiện tinh thần quyết tâm chiến đấu, khát vọng đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà. Các cuộc đồng khởi nổ ra không phải là tự phát mà là kết quả tất yếu của ý thức chống giặc ngoại xâm của nhân dân Cục Nam Trung Bộ, nó phản ánh những nhu cầu của nhân dân về con đường đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhân dân các dân tộc ở đây một lòng luôn hướng về cách mạng và Bác Hồ. Khi được giác ngộ lý tưởng, họ sẵn sàng hy sinh, chiến đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng.

Các cuộc đồng khởi ở Cục Nam Trung Bộ có ý nghĩa cả về quân sự và chính trị đối với quân và dân Cục Nam Trung Bộ, củng cố thêm ý chí quyết tâm chiến đấu chống xâm lược, tạo niềm tin chiến thắng cho toàn Đảng, quân và dân ta vững bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, giải phóng dân tộc. Các cuộc đồng khởi ở Cục Nam Trung Bộ đem lại kinh nghiệm quý báu cho Liên

tính 3 trong việc chỉ đạo dùng lực lượng vũ trang hỗ trợ cho phá ấp, giành dân sau này.

Cùng với phong trào Đồng khởi trên toàn miền Nam, các cuộc đồng khởi ở Cục Nam Trung Bộ góp phần làm thất bại

chiến lược “chiến tranh đơn phương” của Mỹ - Diệm, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta bước sang thời kỳ chủ động tiến công địch, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

CHÚ THÍCH

(1). Vũ Tự Lập, *Địa lý tự nhiên Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1978, tr. 23.

(2). Viện Lịch sử Đảng, Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến, *Nam Trung Bộ kháng chiến (1945-1975)*, Hà Nội, tr. 527.

(3). Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Khu VI. *Khu VI kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 6.

(4). Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Khu VI. *Khu VI kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, sdd, tr. 5.

(5). Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Khu VI. *Khu VI kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, sdd, tr. 44.

(6). Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Khu VI. *Khu VI kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, sdd, tr. 51.

(7). BCH Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng 1954-1975*, tập 2, Lâm Đồng, 1990, tr. 19.

(8). Viện Lịch sử Đảng, *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập 3, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 125.

(9). Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Khu VI. *Khu VI kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, sdd, tr. 53.

(10). Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Khu VI. *Khu VI kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, sdd, tr. 59.

(11). Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận, *Tài liệu tuyên truyền chiến thắng Hoà Bình - Bắc Ruộng*, lưu trữ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 1993, tr. 12.

(12). Ban chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Thuận, *Bình Thuận - 30 năm chiến tranh giải phóng*, tập 2, Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Thuận ấn hành, Bình Thuận, 1992, tr. 50.

(13). Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Khu VI. *Khu VI kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, sdd, tr. 61.